

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày: 16/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A- THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hiền Công Hanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giáp và ông Phạm Ngọc Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực A, Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh và ông Nông Văn Thượng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử I, Tòa án nhân dân khu vực A, Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 28/8/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Ng (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 24 tháng 8 năm 1988 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu K và bà Bé Thị L; vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 30/5/2021, bị Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mức phạt 2.000.000 đồng, đã chấp hành xong.

Ngày 29/7/2022, bị TAND A, tỉnh Bắc Kạn xử 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (Bản án số 53/2022/HSST). Hiện bị cáo đang chấp hành bản án trên (tính từ ngày 07/9/2021).

Bị cáo Nguyễn Văn Ng đang được trích xuất điều chuyển đến Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Kạn nay là Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Thái Nguyên để phục vụ điều tra, truy tố, xét xử. Có mặt

2. Trần Xuân Tiến A (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 17 tháng 6 năm 1995 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn P, xã B, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay thôn A, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân C và bà Bùi Thị Nh; vợ: Trương Hải Y; con: Có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Không.

Bị cáo Trần Xuân Tiến A bị áp dụng biện pháp bắt tạm giam từ ngày 22/01/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02 Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt

** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn Ng và bị cáo Trần Xuân Tiến A:*

- Ông Vũ Xuân Kh, sinh năm 1985- Luật sư
- Ông Nguyễn Trung Ng1, sinh năm 1977- Luật sư

Công ty Luật TNHH TNA thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; Địa chỉ Tầng 1, số 11, ngõ 71, đường Mỹ Đình, phường Từ Liêm, Hà Nội. Có mặt

** Người làm chứng:*

1. Anh Triệu Đức Ch, sinh năm 1990; trú tại thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn Đ, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Huyền Tr, sinh năm 2004 (*là người làm chứng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*); Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Cao Bằng nay là thôn N, xã N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

3. Chị Đoàn Thị Ng2, sinh năm 2000; trú tại thôn T, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nay là thôn T, xã A, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có lý do.

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; trú tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

5. Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1987; trú tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang thi hành án tại Trại giam Ngọc Lý- Bộ Công an. Vắng mặt không có lý do

6. Chị La Thị Huyền Tr1 sinh năm 2002; trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt có lý do.

7. Chị Phan Thị Thanh L sinh năm 1999; trú tại Khu A, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình nay là khu A, xã V, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt có lý do.

8. Anh Hoàng Quốc C, sinh năm 1993; trú tại: Khu C, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Khu C, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có lý do.

9. Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1981; trú tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

10. Anh Hà Văn H2, sinh năm 1991; trú tại thôn N, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn N, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có lý do.

11. Anh Triệu Văn H3, sinh năm 1999; trú tại thôn H, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn H, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có lý do.

12. Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1992; trú tại thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn P, xã H, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

13. Chị Bàn Mùi D, sinh năm 2002; trú tại thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là thôn P, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do.

14. Chị Bàn Thị N, sinh năm 2004; trú tại thôn S, xã K, huyện B, tỉnh Cao Bằng nay là thôn S, xã H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

15. Chị Triệu Thị H4, sinh năm 2004; trú tại thôn K, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn nay là thôn K, xã Q, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt có lý do.

16. Chị Mạc Thị H5, sinh năm 2004; trú tại thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn Q, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có lý do.

17. Anh Doãn Văn L, sinh năm 1996; trú tại Tổ dân phố A, xã N, huyện G, tỉnh Đắc Nông nay là tổ dân phố số A, xã G (1), tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt không có lý do.

18. Chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1979; trú tại tiểu khu A, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là tiểu khu A, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 02 giờ 50 phút ngày 23/6/2020 Tổ công tác Công an huyện N tiến hành kiểm tra hành chính quán Karaoke Queen, thuộc Khu A, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên phát hiện lập biên bản sự việc đối với 18 (mười tám) đối tượng liên quan tại Phòng hát VIP 3 gồm: Hoàng Quốc C, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn H1, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn G, Trần Xuân Tiến A, Hà Văn H2, Triệu Văn H3, Hoàng Văn C1, Triệu Đức Ch, Phan Thị Thanh L, Nguyễn Huyền Tr, Bàn Mùi D, Bàn Thị N, La Thị Huyền Tr1 (tên gọi khác L1), Triệu Thị H4, Đoàn Thị Ng1 (tên gọi khác Dương Thu Ng1), Mạc Thị H5 (tên gọi khác Trần Thị

L1) đang uống rượu, bia, bật nhạc và sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra trong phòng hát VIP 3 phát hiện thu giữ, tạm giữ vật chứng gồm:

Thu trên mặt bàn trong cùng bên phải từ cửa nhìn vào: 01 đĩa sứ màu trắng không có hoa văn, trên đĩa có một lượng ma túy (Ketamine) dạng bột tinh thể màu trắng, có khối lượng 0,67 gam; 01 tờ tiền Polymer mệnh giá 100.000 đồng được cuộn tròn theo chiều dài tờ tiền, bên ngoài cố định bằng 03 vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 thẻ ngân hàng AGRIBANK (thẻ ATM) một mặt màu xanh ghi TRIEU DUC CH, niêm phong trong phong bì ký hiệu M1.

Thu trên mặt thùng đựng âm ly gần cửa ra vào 01 vỏ bao thuốc lá loại Vinataba bên trong có 04 gói nhỏ, trong đó có 01 gói ma túy (Ketamine) dạng bột tinh thể màu trắng, có khối lượng 0,22 gam được gói bằng một lớp giấy mặt bên trong màu trắng, mặt bên ngoài mạ kim loại màu vàng; 03 gói chất màu nâu đen có khối lượng 5,43 gam được gói bằng một lớp giấy kim loại màu bạc, trong đó 01 gói được bọc tương đối kín, 02 gói đã hở ra chất màu nâu đen, 03 gói này được gói bằng một tờ giấy, trên mặt tờ giấy có dòng chữ “TOY LUXURY” và nhiều dòng chữ không đọc được, niêm phong trong bì ký hiệu M2.

Thu trên ghế ngồi góc trong cùng bên phải từ cửa nhìn vào 01 túi màu đen có dây đeo chéo bên trong có: Tại ngăn túi ngoài cùng bên trên thu 01 túi nilon trong suốt, có mép dán dạng bấm, bên trong có chứa chất ma túy (MDMA) dạng bột màu tím đã bị vỡ vụn, có khối lượng 0,37 gam, tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu M3; tại ngăn có khóa kéo tại phần dây đeo của túi thu 01 viên ma túy (MDMA) có khối lượng 0,45 gam màu tím dạng nén, niêm phong trong phong bì ký hiệu M4; tại ngăn túi có khóa kéo bên trái có 07 vỏ đạn bằng kim loại, niêm phong trong phong bì ký hiệu M5; bên trong túi có 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng trong ví có 01 giấy phép lái xe hạng C mang tên Triệu Đức Ch, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Bàn Mùi D, số tiền 1.200.000 đồng.

Tạm giữ trên người 18 đối tượng: Tổng số tiền 8.206.000 đồng; 17 chiếc điện thoại di động; 01 thẻ ngân hàng AGRIBANK của Hoàng Văn C1; 01 ví giả da đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hoàng Văn C1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành mở niêm phong các phong bì ký hiệu M1, M2, M3, M4 cân xác định khối lượng chất ma túy, sau đó đã tiến hành niêm phong lại số ma túy lần lượt trong các phong bì ký hiệu A1, A4, A5, A7, A9 để gửi trưng cầu giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 112/KTHS-MT ngày 09/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là: 0,67 gam; Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A4 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng là: 0,22 gam; Mẫu viên nén màu tím đã bị vỡ vụn trong

phong bì ký hiệu A7 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là: 0,37 gam; Mẫu viên nén màu tím trong phong bì ký hiệu A9 gửi giám định là ma túy, loại MDMA, có khối lượng là: 0,45 gam; Mẫu chất màu nâu đen có trong phong bì ký hiệu A5 gửi giám định có khối lượng là 5,43 gam qua giám định Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn chưa đủ cơ sở kết luận, niêm phong vào phong bì mới ký hiệu HT112.

Tại Bản kết luận giám định số 4921/C09-TT2 ngày 31/7/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Mẫu chất màu nâu đen trong phong bì niêm phong ký hiệu HT112 gửi giám định có chất ma túy 5F-MDMB-PICA.

Tại Bản kết luận giám định số 5639/C09-TT2 ngày 28/8/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Chất ma túy 5F-MDMB-PICA trong mẫu gửi giám định ở dạng vết nên không xác định được hàm lượng, do đó không xác định được khối lượng 5F-MDMB-PICA trong mẫu ban đầu.

Quá trình điều tra xác định, tối ngày 22/6/2020, sau khi uống bia xong, Nguyễn Văn Ng cùng 06 người là những người làm thuê ở xưởng cơ khí của Ng gồm: Nguyễn Văn H, Hoàng Văn H1, Nguyễn Văn G, Hà Văn H2, Triệu Văn H3, Hoàng Văn C1 rủ nhau từ xã H, huyện N lên xã V, huyện Ngân S (nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên) để hát karaoke. Ngọc là người thuê xe ô tô và gọi điện liên hệ chị Đ (chủ quán Karaoke Queen tại Khu A, xã V, huyện N nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên) để đặt phòng hát. Tiếp đó, Ngọc gọi điện thoại cho Triệu Đức Ch nhờ liên hệ mua ma túy thường gọi là “kẹo” (MDMA) và “ke” (Ketamine) thì được Ch đồng ý. Ch gọi điện thoại cho một người đàn ông tên Q, trú tại tỉnh Thái Nguyên (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ cụ thể) hỏi mua ma túy dạng “ke” và “kẹo” với số lượng người như Ng nói thì được Q báo là số lượng là 05 viên “kẹo” và 01 chỉ “ke” là đủ với số tiền 7.000.000 đồng. Sau đó Ch báo cho Ng số lượng ma túy và giá tiền, Ng đồng ý để Ch mua hộ ma túy cho mình và chuyển khoản cho Ch số tiền 7.000.000 đồng từ tài khoản số 8604205019987 của Ng đến tài khoản 8604205048470 của Ch mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N - Bắc Kạn của Ch, đồng thời, Ng chụp ảnh và gửi ảnh biên lai thể hiện Ng đã thanh toán đủ tiền mua ma túy cho Ch vào lúc 22h26’ ngày 22/6/2020. Sau khi nhận được tiền từ Ng, Ch chuyển khoản cho Q 2.000.000 đồng tiền đặt cọc mua ma túy, gần 00 giờ ngày 23/6/2020 Ng gọi điện thoại cho Ch hỏi “ke, kẹo” đến chưa và rủ Ch vào quán Karaoke Queen uống bia nhưng Ch chưa vào. Khoảng 01 giờ 30 ngày 23/6/2020 có một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) lái xe taxi từ Thái Nguyên gọi điện thoại cho Ch thông báo đã mang ma túy đến xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì Ch tiếp tục trả số tiền mua ma túy còn lại cho Q cũng bằng hình thức chuyển khoản là 4.300.000 đồng, nạp tiền 200.000 đồng vào một số điện thoại do Q gửi đến (không rõ số thuê bao, chủ sở hữu) và đưa tiền mặt cho người lái taxi 500.000 đồng như đã thỏa thuận trước đó với Q. Chuyển đủ tiền xong Ch hẹn người lái taxi mang ma túy

đến cửa phòng hát VIP 3 quán Karaoke Queen, trong phòng hát lúc này có 18 người gồm Triệu Đức Ch, Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn H1, Nguyễn Văn G, Hà Văn H2, Triệu Văn H3, Hoàng Văn C1 và Phan Thị Thanh L, Nguyễn Huyền Tr, Bàn Mùi D, Bàn Thị N, La Thị Huyền Tr1, Triệu Thị H4, Đoàn Thị Ng1, Mạc Thị H5 là các nhân viên nữ phục vụ trong phòng hát (do Ng liên hệ gọi đến) cùng Hoàng Quốc C, Trần Xuân Tiến A (C và Tiến A đến phòng hát vào khoảng 01 giờ 30 phút sáng khi được Ng gọi điện thoại mời đến giao lưu) đang nghe nhạc, uống rượu, bia. Ch đứng cửa phía trong phòng trực tiếp nhận hộp đựng ma túy từ người lái taxi rồi người đó đi ra ngoài, còn Ch đi vào trong phòng hát đổ ma túy từ hộp ra lòng bàn tay thấy có một túi nilon bên trong có 05 viên ma túy dạng “kẹo” và một túi nilon bên trong có ma túy dạng “ke”, Ch bẻ hai viên ma túy dạng “kẹo” ra thành nhiều mẩu nhỏ rồi đặt tất cả hai túi “ke, kẹo” lên đĩa sứ màu trắng trên bàn trong phòng hát để ai có nhu cầu thì sử dụng, khi Ch mang ma túy đến Ng đang ngồi đối diện với Ch và nhìn thấy hành động của Ch, lúc này Tiến A có hỏi to “Trong phòng có ai có thẻ ATM không?” thì Ch rút từ trong ví ra 01 thẻ ATM của mình đặt lên bàn. Tiến A dùng giấy khô lau đĩa sứ (đĩa trước đó đựng hoa quả), dùng bật lửa hơi nóng đĩa, đổ ma túy loại “ke” ra đĩa rồi dùng thẻ ATM (do Ch đưa) trộn ma túy, chia ma túy thành các đường nhỏ (thường gọi là “xào ke”). Cùng lúc đó, La Thị Huyền Tr1 được một người thanh niên (Tr1 không biết tên do gặp lần đầu) đưa cho 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng để cuộn lại thành ống, nhưng do không cuộn đúng ý nên người thanh niên đã lấy lại và tự cuộn, tờ tiền cuộn xong thì được để trên bàn. Ở trong phòng hát VIP3, Ch được đưa các mẩu nhỏ ma túy loại “kẹo” cho mọi người để họ uống cùng với nước cocacola, còn Tiến A sau khi “xào ke” xong, Tiến A cầm đĩa sứ màu trắng bên trong có ma túy loại “ke”, thẻ ATM, ống hút làm bằng tờ tiền đến trước mặt mọi người để ai sử dụng thì tùy ý sử dụng, Tiến A cũng tự sử dụng. Nguyễn Văn Ng, Nguyễn Văn H, Hoàng Văn H1, La Thị Huyền Tr1, Phan Thị Thanh L, Trần Xuân Tiến A (đều trên 18 tuổi) sử dụng số ma túy trên (trong đó Nguyễn Văn Ng, Hoàng Văn H1, La Thị Huyền Tr1 sử dụng cả hai loại ma túy dạng “ke” và “kẹo”) - kết quả xét nghiệm đều dương tính với ma túy. Đến hồi 02 giờ 50 phút ngày 23/6/2020 thì sự việc bị Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn phát hiện, lập biên bản.

Tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Nguyễn Văn Ng thời điểm sau khi sự việc bị phát hiện đến ngày 13/8/2020 đều khai nhận nội dung diễn biến sự việc liên quan đến bản thân mình như trên, tuy nhiên sau đó Ng liên tục thay đổi lời khai, khai rằng bản thân được nhờ Ch mua “Thuốc dominic và socola” (lời khai ngày 16/9/2020) rồi lại khai rằng bản thân chỉ được gọi cho Ch để lấy các nhân viên nữ phục vụ trong phòng hát, có sử dụng tiếng lóng là “hàng mới” chỉ việc Ng yêu cầu các nhân viên nữ mới. Tuy nhiên, từ ngày 03/4/2025 đến nay, Ng khai lại và xác nhận bản thân được gọi điện thoại cho Ch để nhờ Ch mua ma túy dạng “kẹo”, “ke”

vào tối ngày 22/6/2020 tuy nhiên là do được Ch gợi ý, rủ rê khi Ngọc liên hệ Ch lấy nhân viên nữ phục vụ trong phòng hát. Ng đã đồng ý mua 05 viên “keo” và 01 chỉ “ke” với số tiền 7.000.000 đồng sau khi được Ch báo số lượng, giá tiền. Sau đó Ng chuyển khoản cho Ch số tiền 7.000.000 vào tài khoản Ngân hàng của Ch. Thời điểm Ch mang ma túy loại “keo”, “ke” vào phòng hát Ng biết nhưng không hỏi lại gì Ch, không để ý ai là người “xào ke” (chế biến ketamine) và chuẩn bị các công cụ để sử dụng “ke” và không để ý những ai là người sử dụng ma túy trong phòng. Trong phòng hát VIP3, Nguyễn Văn Ng được sử dụng 01 mẫu nhỏ ma túy dạng “keo” do Ch đưa cho và một chút ma túy dạng “ke”, khi Ng sử dụng đã thấy trên đĩa sứ có sẵn “ke”, 01 thẻ ATM và 01 ống hút làm bằng tờ tiền polyme, trước đó Ng thấy Tiến A được dùng bật lửa hơi đĩa. Ng cho rằng: Bản thân Ng mua ma túy loại “keo” và “ke” theo lời rủ rê của Ch với mục đích trước hết là do bản thân sử dụng, ngoài ra nếu ai sử dụng thì là quyền của họ, Ng không bắt ép ai sử dụng ma túy.

Trần Xuân Tiến A từ sau khi sự việc bị phát hiện đến ngày 28/01/2021 đều khai nhận được hỏi mượn chiếc thẻ ATM của Ch do khi nhìn thấy có ma túy dạng “ke” trong phòng, Tiến A có hỏi thì có người trong phòng nói “loại này phải có thẻ mới chơi được” nên sau khi hỏi được thẻ ATM từ Ch, Tiến A đã đặt thẻ lên đĩa chứa ma túy loại “ke” sau đó đi ra ngoài và khẳng định bản thân không hề được “xào ke” (chế biến ketamine), không được mời ai sử dụng ma túy dạng “ke”, chỉ được tự sử dụng ma túy dạng “ke” trên đĩa bằng hình thức hít, sau đó lại liên tục thay đổi lời khai, lúc thì khai rằng tự nhận chiếc thẻ ATM do mình hỏi Ch vì thấy Ch khi bị công an hỏi về chiếc thẻ thì Ch hướng mắt về phía mình (lời khai ngày 19/4/2021), sau đó lại khai rằng được Ch nhờ nhận hộ là bản thân đã mượn chiếc thẻ ATM của Ch (Ch nhờ lúc cơ quan công an đang lập biên bản sự việc) và khai rằng sau đó còn bị Ch dọa nạt, bắt ép phải nhận là bản thân mượn thẻ của Ch. Đến ngày 20/6/2025, Tiến A khai nhìn thấy La Thị Huyền Tr1 được “xào ke”, bản thân dùng đèn flash điện thoại soi cho Tr1 “xào ke” và được mời mọi người trong phòng hát sử dụng ma túy loại “ke” trên đĩa. Đến ngày 25/6/2025, bị cáo lại khai không nhìn thấy La Thị Huyền Tr1 “xào ke” mà chỉ thấy Tr1 được cuộn tờ tiền polyme thành ống hút, được Tr1 nhờ cầm điện thoại của Tr1 để soi cho Tr1 cuộn tiền; được cầm đĩa sứ chứa ma túy loại “ke”, 01 thẻ ATM, 01 ống hút cuộn bằng tờ tiền đi qua trước mặt một số người trong phòng hát, có dừng lại một chút trước mặt họ với mục đích là nếu ai có nhu cầu sử dụng thì họ tự sử dụng, Tiến A không được có lời nói, cử chỉ, ánh mắt mời gọi hoặc yêu cầu ai sử dụng ma túy loại “ke” trên đĩa, sau đó bị cáo có tự sử dụng một chút bằng hình thức dùng ống hút chát ma túy loại “ke” vào miệng. Bị cáo cho rằng: Việc bị cáo cầm đĩa sứ chứa ma túy loại “ke” đi đến đứng trước mặt một số người trong phòng hát là do bột phát, nhất thời, không có chủ đích từ trước, không phải mục đích mời họ sử dụng ma túy. Tiến A không thừa nhận bản thân được mượn thẻ ATM, không được “xào

ke” (chế biến ketamine), không được mời Nguyễn Văn Ng, H1, C1 sử dụng ma túy dạng “ke” hoặc “kẹo”.

Những người làm chứng Triệu Đức Ch, La Thị Huyền Tr1, Triệu Thị H4, Mạc Thị H5, Phan Thị Thanh L, Nguyễn Huyền Tr, Đoàn Thị Ng2, Hoàng Văn H1 và những người làm chứng khác đều khai nhận tình tiết liên quan đến bản thân và bản thân được chứng kiến phù hợp với nội dung vụ án nêu trên và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã cho những người làm chứng đối chất với 02 bị cáo về những nội dung còn mâu thuẫn nhưng các bên đều giữ nguyên ý kiến, lời khai của mình.

Ngày 25/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã khởi tố vụ án, sau đó, khởi tố bị can đối với Triệu Đức Ch về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Ngày 31/8/2021, Tòa án nhân dân huyện N đã xét xử, xử phạt Ch 07 năm tù, xử lý các vật chứng có liên quan đến vụ án, bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện Ch đã chấp hành xong hình phạt tù.

Quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại một số đồ vật, tài sản tạm giữ không ảnh hưởng đến việc điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho bà Bùi Thị Nh (mẹ đẻ Trần Xuân Tiến A): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15Promax, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng, 01 túi nilon bên trong có một mảnh giấy chữ nhật có hoa văn màu vàng nâu; Trả cho bà Bé Thị L (mẹ đẻ của Nguyễn Văn Ng) số tiền 6.209.000 đồng. Vật chứng còn lại 04 chiếc điện thoại trong phong bì ký hiệu N1, PA3 và PA3 (Bị can Ng, Dương Thu Ng1 và Nguyễn Huyền Tr) đã nhập kho vật chứng chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSNS, ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực A, Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ng và Trần Xuân Tiến A về tội: “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, 38, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, 56, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ng phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo mức án từ 06 năm đến 06 năm 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” tại bản án số 53/2022/HSST Ngày 29/7/2022 của TAND A, tỉnh Bắc Kạn buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt chung của hai bản án, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 07/9/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, 38, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Trần Xuân Tiến A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo, ngày 22/01/2025.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng trong vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động, đặc điểm: nhãn hiệu Sam Sung, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, pin bị chai, phòng, phần nắp lưng điện thoại bị bong bật (tạm giữ của Nguyễn Văn Ng);

+ Trả lại chị Nguyễn Huyền Tr 02 chiếc điện thoại di động có đặc điểm: 01 điện thoại có ốp lưng màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại có ốp lưng màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt, vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng (tạm giữ của Nguyễn Huyền Tr);

+ Trả lại cho Đoàn Thị Ng2 01 chiếc điện thoại di động, đặc điểm: có ốp lưng viền màu xanh, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng (tạm giữ của Đoàn Thị Ng2).

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định

Các Luật sư Vũ Xuân Kh và Luật sư Nguyễn Trung Ng1 bào chữa cho các bị cáo thể hiện chung quan điểm:

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Ng: Bị cáo là người hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi phạm tội; trước khi phạm tội chưa có tiền án tiền sự, quá trình sinh sống ở địa phương bị cáo Ng có nhiều thành tích trong học tập, lao động, từ thiện, được chính quyền địa phương và cấp trên ghi nhận và khen thưởng nhiều giấy khen, bằng khen. Bản thân Ng mua ma túy loại “keo” và “ke” theo lời rủ rê của Ch với mục đích trước hết là do bản thân sử dụng, ngoài ra nếu ai sử dụng thì là quyền của họ, Ng không bắt ép ai sử dụng ma túy. Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo là mua ma túy cho bản thân sử dụng không có mục đích mời bất cứ ai sử dụng. Trước khi phạm tội có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đề nghị Hội đồng xét xử lý vụ án đúng pháp luật và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt mức án thấp nhất có thể để bị cáo sớm tái hoà nhập cộng đồng.

- Đối với bị cáo Trần Xuân Tiến A: Vụ án chưa làm rõ được ai là người chuẩn bị dụng cụ chế biến ma túy, ai đứng ra phân công việc chế biến ma túy đưa ma túy

cho người khác sử dụng, không thu giữ chiếc bật lửa ga, không xem xét dấu vết trên đĩa sứ, không giám định tình trạng nghiện đối với những người có mặt trong phòng hát; lời khai của một số người làm chứng không khách quan, không trung thực; Bị cáo Trần Xuân Tiến A có sử dụng ma túy nhưng Tiến A không phải là người xào – chế biến ma túy, không được có lời nói, cử chỉ, ánh mắt mời gọi hoặc yêu cầu ai sử dụng ma túy loại “ke” trên đĩa, bị cáo có tự sử dụng ma túy bằng hình thức dùng ống hút chất ma túy loại “ke” vào miệng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố bị cáo Trần Xuân Tiến A không phạm tội và trả tự do cho bị cáo.

Các bị cáo đều nhất trí với quan điểm của những người bào chữa không bổ sung ý kiến vào bản bào chữa. Các bị cáo có ý kiến tranh luận: Bị cáo Nguyễn Văn Ng có ý kiến tranh luận và cho rằng bị cáo không có hành vi mua ma túy cho nhiều người sử dụng như kết luận của Viện kiểm sát mà việc sử dụng là quyền của họ; bị cáo Trần Xuân Tiến A có ý kiến tranh luận: Đề nghị công bố hết các biên bản đối chất giữa bị cáo với những người làm chứng có mặt trong phòng hát trong hồ sơ vụ án Triệu Đức Ch.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát và các vị Luật sư, các bị cáo đã tranh luận thể hiện rõ quan điểm của các bên và các bên vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như nêu trên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Văn Ng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Trần Xuân Tiến A: Bị cáo cho rằng không phạm tội như kết luận của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân; việc thu thập tài liệu chứng cứ của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đúng pháp luật.

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt lần thứ 2. Những người này đã có đủ lời khai tại cơ quan điều tra, xét thấy sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đã thảo luận và quyết định: Căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Căn cứ Biên bản sự việc ngày 23/6/2020, tang vật thu giữ, lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án Nguyễn Huyền Tr, La Thị Huyền Tr1, Triệu Thị H4, Nguyễn Đức Ch, kết luận giám định, Biên bản kiểm tra điện thoại của Triệu Đức Ch, Nguyễn Văn Ng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định:

Tối 22/6/2020, Nguyễn Văn Ng gọi điện thoại cho Triệu Đức Ch nhờ Chinh mua ma túy dạng “Ke và Kẹo” cho khoảng 16 - 17 người sử dụng tại quán hát Karaoke Queen tại Khu A, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là xã N, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi được Ch thông báo số lượng ma túy cần phải mua cho số người trên đủ dùng là khoảng 5 viên kẹo và 01 chỉ ke với giá 7.000.000 đồng, Ngọc đồng ý để Ch mua ma túy hộ mình nên đã chuyển cho Ch 7.000.000 đồng từ số tài khoản 8604205019987 của Ng đến số tài khoản 8604205048470 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N– Bắc Kạn của Ch đồng thời, Ng chụp và gửi ảnh biên lai thể hiện Ng đã thanh toán đủ tiền mua ma túy cho Ch vào lúc 22 giờ 26 phút ngày 22/6/2020. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/6/2020, một người đàn ông lái xe taxi mang ma túy đến, Ch trực tiếp nhận và mang ma túy vào phòng hát Vip3 quán Karaoke Queen tại Khu A, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để cho Ng và những người do Ng gọi đến sử dụng. Tại đây Ch bẻ hai viên ma túy thành nhiều mẩu nhỏ rồi đặt lên đĩa sứ màu trắng ở trên bàn, Tiến A dùng thẻ ATM (do Ch đưa) trộn ma túy loại Ke và mời mọi người hút. Tại biên bản làm việc hồi 09 giờ 30 phút ngày 23/6/2020 tại trụ sở Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Công an huyện N đã phối hợp với Trung tâm y tế huyện N tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với 17 người có mặt trong phòng hát Vip3. Kết quả Nguyễn Văn H, La Thị Huyền Tr1, Hoàng Văn H1, Phan Thị Thanh L, Nguyễn Văn Ng, Trần Xuân Tiến A (đều trên 18 tuổi, không nghiện ma túy) phát hiện dương tính với ma túy. Theo lời khai của những người làm chứng, những người sử dụng và có kết quả dương tính với chất ma túy trên, ngoài sử dụng số ma túy trong phòng hát và tại đĩa sứ trên bàn, những người này không sử dụng một loại ma túy nào khác, họ đều không phải người nghiện. Vì vậy có thể khẳng định những người này đều sử dụng số ma túy mà Ng đã nhờ Ch mua đến phòng hát Vip3. Nguyễn Văn Ng và Trần Xuân Tiến A có hành vi đồng phạm với Triệu Đức Ch về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy“, quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự. Trong đó Nguyễn Văn Ng là người khởi xướng, rủ rê, cung cấp tiền và chỉ đạo việc mua ma túy; Trần Xuân Tiến A là người giúp sức với vai trò chuẩn bị công cụ và tạo điều kiện thuận lợi để bản thân và các đối tượng khác sử dụng trái phép ma túy. Hành vi nhờ mua ma túy mang vào phòng của bị cáo cho nhiều người sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Ngày 25/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã khởi tố vụ án, sau đó, khởi tố bị can đối với Triệu Đức Ch về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Ngày 31/8/2021, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã xét xử, xử phạt Ch 07 năm tù

(Bản án số 16/2021/HSST), bản án có hiệu lực pháp luật. Hiện Ch đã chấp hành xong hình phạt tù.

Các tài liệu chứng cứ được cơ quan công an thu thập được trong quá trình điều tra vụ án đã được sử dụng làm căn cứ khởi tố và điều tra, truy tố xét xử đối với Triệu Đức Ch là người đã mua hộ ma túy và đưa vào phòng hát cho Ng về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Bản án sau khi xét xử có hiệu lực pháp luật thì hành mặc dù có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án số 16/2021/HSST nêu trên, tuy nhiên tại Kiến nghị số 109/KNHS-VC1 ngày 05/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận định việc Nguyễn Văn Ng và Trần Xuân Tiến A có hành vi đồng phạm với Triệu Đức Ch về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trong đó Nguyễn Văn Ng là người khởi xướng, rủ rê cung cấp ma túy. Tuy nhiên, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Ng và Trần Xuân Tiến A về hành vi phạm tội như trên mà lại tách ra để xác minh làm rõ, xử lý sau là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, làm ảnh hưởng đến việc xem xét khách quan, toàn diện vụ án và có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không kháng nghị giám đốc thẩm mà cần thiết kiến nghị đồng chí Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn điều tra xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn N và Trần Xuân Tiến A để làm rõ vụ án theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, từ khi khởi tố bị can và tại phiên tòa, các bị cáo liên tục thay đổi một số lời khai so với lời khai ban đầu đã trình bày tại cơ quan điều tra khi vụ án mới được phát hiện, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Bị cáo Nguyễn Văn Ng: Bị cáo nhận thức được “Ke và Kẹo” là chất ma túy, mục đích mua là để sử dụng. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có trình độ học vấn 12/12, dễ dàng tiếp xúc với các phương tiện thông tin đại chúng, điện thoại thông minh. Bản thân nhận thức được việc nhờ Ch mua ma túy là nhằm cho những người trong phòng hát dùng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe, thậm chí là tính mạng. Vì vậy, bị cáo có đủ khả năng nhận thức được tác hại của ma túy tổng hợp dưới dạng “Ke và Kẹo” đối với sức khỏe con người. Bị cáo thừa nhận được bỏ tiền nhờ Ch mua ma túy dạng “Ke và Kẹo” về cho bản thân và còn ai sử dụng thì tùy mọi người có mặt trong phòng hát. Lời khai của những người làm chứng, những người sử dụng và có kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy, ngoài sử dụng số ma túy trong phòng hát và tại đĩa sứ trên bàn, những người này không sử dụng một loại ma túy nào khác, họ đều không phải người nghiện ma túy. Vì vậy, có thể khẳng định những người này đều sử dụng số ma túy mà bị cáo đã nhờ Ch mua và mang vào phòng hát. Hành vi mua ma túy vào phòng của bị cáo cho nhiều người sử dụng đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Việc bị cáo phủ nhận

không phải bị cáo mua ma túy cho nhiều người sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

- Bị cáo Trần Xuân Tiến A: Bị cáo khẳng định không được có hành vi chế biến ma túy (xào ke), không có lời nói, cử chỉ, ánh mắt mời gọi hoặc yêu cầu ai sử dụng ma túy loại “Ke” trên đĩa, bị cáo có tự sử dụng một chút bằng hình thức dùng ống hút chất ma túy loại “Ke” vào miệng. Lời khai của những người làm chứng, những người sử dụng và có kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy, ngoài sử dụng số ma túy số ma túy trong phòng hát và tại đĩa sứ trên bàn, những người này không sử dụng một loại ma túy nào khác, họ đều không phải người nghiện ma túy và khai nhận được nhìn thấy Tiến A xào “Ke” và bê đĩa sứ có “Ke” trên đĩa đi mời mọi người sử dụng, trong những người được Tiến A mời sử dụng “Ke” kết quả xét nghiệm đều dương tính với ma túy. Vì vậy, có thể khẳng định những người này đều sử dụng được ma túy mà bị cáo đã chế biến (xào) và mời mọi người trong phòng hát sử dụng. Hành vi đưa ma túy vào cơ thể nhiều người sử dụng của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Việc bị cáo phủ nhận bị cáo không được xào ma túy, không được mời ai sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

- Khi cơ quan Công an vào làm việc, các bị cáo đều có mặt, vật chứng là ma túy, đĩa sứ, ống hút ke làm bằng tờ tiền POLIME đều được thu giữ tại trong phòng hát và được niêm phong theo quy định. Lời khai của những người làm chứng có kết quả xét nghiệm dương tính với ma túy phù hợp với các biên bản sự việc, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, biên bản mở đóng niêm phong cân xác định khối lượng viên nén màu tím và chất bột màu tím dạng nén đã vỡ vụn và chất bột màu trắng dạng tinh thể nghi là chất ma túy và gửi mẫu giám định đều được lập ngày 23/6/2020 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và người làm chứng đều thừa nhận trước khi cơ quan công an vào làm việc các bị cáo vẫn có mặt trong phòng hát, khi Công an vào phòng làm việc các bị cáo đều có mặt việc thu giữ, niêm phong được cơ quan Công an lập biên bản, niêm phong và có chữ ký của những người có mặt tại thời điểm đó vào biên bản và các phong bì niêm phong vật chứng.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, xâm phạm trực tiếp đến tình hình an ninh trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham chơi đua đòi đã cố ý chuẩn bị ma túy để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác làm ảnh hưởng đến sức khỏe, đến nhân cách của người khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực A – Thái Nguyên quyết định truy tố các bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm

2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Đối với 02 người trở lên;”

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn Ng, tại phiên toà bị cáo đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình và có thái độ ăn năn hối cải; trong quá trình lao động, sản xuất tại địa phương bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước được Chủ tịch UBND huyện N tặng Giấy khen “Có thành tích xuất sắc trong phòng chống dịch bệnh Covid-19”, Giấy khen hộ nông dân điển hình tiêu biểu trong phong trào “Nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi” giai đoạn 2016-2019; Có thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam huyện N chứng nhận “Thanh niên sống đẹp, sống có ích” giai đoạn 2014-2019; Ủy ban Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong công tác hội và phong trào thanh niên giai đoạn 2014-2019” nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*” theo quy định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Có bà nội và các cụ được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Xuân Tiến A tại phiên toà không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Có ông bà nội và ông ngoại được Nhà nước tặng Huân, Huy chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo

- Về hình phạt chính: Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh

hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là tác nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội khác, vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo trong vụ án phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Nguyễn Văn Ng là người khởi xướng, rủ rê, cung cấp tiền và chỉ đạo việc mua ma túy; Trần Xuân Tiến A là người giúp sức với vai trò chuẩn bị công cụ và tạo điều kiện thuận lợi để bản thân và các đối tượng khác sử dụng trái phép ma túy.

Xét thấy Nguyễn Văn Ng có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên khi xem xét lượng hình cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trần Xuân Tiến A không thành khẩn khai báo, lời khai sau phủ nhận lời khai trước, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Bị cáo Trần Xuân Tiến A có thời hạn tạm giam nên được tính vào thời gian thụ hình cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn Ngọc, ngày 29/7/2022, bị TAND A, tỉnh Bắc Kạn xử 06 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự (Bản án số 53/2022/HSST). Hiện bị cáo đang chấp hành bản án trên vì vậy cần tổng hợp hình phạt tù của bản án đang bị xét xử với Bản án số 53/2022/HSST và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định, do đó không xem xét áp dụng.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại một số đồ vật, tài sản tạm giữ không ảnh hưởng đến việc điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành trả lại cho bà Bùi Thị Nh (mẹ đẻ Trần Xuân Tiến A): 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15Promax, 02 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng, 01 túi nilon bên trong có một mảnh giấy chữ nhật có hoa văn màu vàng nâu; Trả cho bà Bé Thị L (mẹ đẻ của Nguyễn Văn Ng) số tiền 6.209.000 đồng.

Đối với các vật chứng còn lại gồm:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, đặc điểm: nhãn hiệu Sam Sung, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, pin bị chai, phồng, phần nắp lưng điện thoại bị bong bật (tạm giữ của Nguyễn Văn Ng) quá trình điều tra xác định đây là chiếc điện thoại của bị cáo, sử dụng để liên hệ với Triệu Đức Ch để mua ma túy về sử dụng tại

phòng hát VIP3 ngày 23/6/2020, vì vậy cần tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với 02 (hai) chiếc điện thoại di động (tạm giữ của Nguyễn Huyền Tr) có đặc điểm: 01 điện thoại có ốp lưng màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại có ốp lưng màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt, vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng không liên quan đến vụ án trả lại cho chị Nguyễn Huyền Tr.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động, đặc điểm: có ốp lưng viền màu xanh, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng tạm giữ của Đoàn Thị Ng1 không liên quan đến vụ án trả lại cho chị Đoàn Thị Ng1.

[7] Vấn đề khác liên quan trong vụ án:

Đối với người đàn ông tên Q theo lời khai của Triệu Đức Ch là người đã bán ma túy (MDMA và Ketamine) cho Ch vào tối ngày 22/6/2020, rạng sáng ngày 23/6/2020, quá trình điều tra xác định chủ tài khoản thụ hưởng Ch đã chuyển tiền mua ma túy là Lưu Văn Q, sinh năm 1992, trú tại xóm L (nay là xóm H), xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, tuy nhiên Lưu Văn Q không có mặt tại nơi cư trú, qua nhận dạng Ch không nhận ra được người tên Q (theo lời khai của Ch) có đúng là người tên Lưu Văn Q có lý lịch như trên hay không, cơ quan điều tra không đủ căn cứ xác minh làm rõ hành vi của Q.

Đối với người đàn ông lái xe taxi theo lời khai của Triệu Đức Ch là người mang ma túy đến quán Karaoke Queen đưa cho Ch nhưng Ch không xác định được nhân thân, lai lịch, hãng xe taxi, biển số xe nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ.

Đối với hành vi của La Thị Huyền Tr1 về việc được một người đàn ông nhờ cuộn tờ tiền thành ống hút, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch người này, Tr1 khai nhận trước đó không biết mục đích của việc cuộn tờ tiền và cũng chưa hoàn thành việc cuộn tiền nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với hành vi của Triệu Đức Ch đã được xử lý và xét xử đúng quy định của pháp luật, cơ quan điều tra không xem xét trong vụ án này là đúng quy định.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về hình phạt và xử lý vật chứng đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Ng có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trần Xuân Tiến A đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố bị cáo Trần Xuân Tiến A không phạm tội và trả tự do cho bị cáo. Tuy nhiên căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy đề nghị của người bào chữa đưa ra không có căn cứ nên không được xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Ng và Trần Xuân Tiến A phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt chính:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, 38, điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, 56, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ng 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 năm tù tại Bản án số 53/2022/HSST ngày 29/7/2022 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Bắc Kạn, nay là Tòa án nhân dân khu vực B - Thái Nguyên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2021.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 17, 38, khoản 2 Điều 51, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Xuân Tiến A 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 22/01/2025.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động, đặc điểm: nhãn hiệu Sam Sung, màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng, pin bị chai, phồng, phần nắp lưng điện thoại bị bong bật;

- Trả lại cho Nguyễn Huyền Tr 02 (hai) chiếc điện thoại di động có đặc điểm: 01 (một) điện thoại có ốp lưng màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại có ốp lưng màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt, vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho Đoàn Thị Ng1 01 (một) chiếc điện thoại di động, đặc điểm: có ốp lưng viền màu xanh, màn hình cảm ứng, máy cũ đã qua sử dụng.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên và Phòng Thi hành án dân sự khu vực A, Thái Nguyên).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo phải chịu mỗi người 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực A, Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- CA tỉnh Thái Nguyên (PC10);
- Trại Giam số 2 Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại Giam Phú Sơn 4 Bộ Công an;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hiền Công Hanh

